

Số: 22/2018/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 22 tháng 02 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 01/02/2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Lương Thị K, sinh năm 1978.

HKTT: số 17 đường N, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở: Số 2/1 đường T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

2/ Bị đơn: Lê Thanh T – sinh năm 1973.

HKTT: Bộ tư lệnh B, số 04 đường Đ, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Số 2/1 đường T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Châu Lê Khánh Diệp C, sinh ngày 28/3/2008.

- Châu Lê Thị Khánh N, sinh ngày 20/11/2017.

HKTT: số 17 đường N, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở: Số 2/1 đường T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật: Chị Lương Thị Khánh H, anh Lê Thanh T là bố mẹ đẻ của hai cháu.

- Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí, lệ phí;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13/02/2018;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13/02/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lương Thị Khánh H, sinh năm 1978. HKTT: số 17 đường N, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Chỗ ở: Số 2/1 đường T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên và anh Lê Thanh T – sinh năm 1973. HKTT: Bộ tư lệnh B, số 04 đường Đ, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Chỗ ở: Số 2/1 đường T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Khánh H và anh Lê Thanh T thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

* Về quan hệ con chung: Hai bên đương sự xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Khánh Diệp C, sinh ngày 28/3/2008 và cháu Lê Thị Khánh N, sinh ngày 20/11/2017. Hai bên đương sự thỏa thuận giao cả hai cháu Lê Khánh Diệp C và cháu Lê Thị Khánh N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 02/2018 cho đến khi cả hai cháu tròn 18 tuổi, tự lập được.

Anh Lê Thanh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu anh T không chịu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị H có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành mà anh T không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 và điều 468 của Bộ luật Dân sự.

* Về tài sản chung và công nợ: Hai bên đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai về tài sản nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Về án phí: Hai bên đương sự thỏa thuận, chị Lương Thị Khánh H tự nguyện nhận chịu cả 150.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng án phí về phần cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000018 ngày 01/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thành phố;
- Thi hành án TP;
- Các đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H
THẨM PHÁN

Vũ Công L